

TAM GIÁO CHƯ VỌNG (1752)^(*) - MỘT CUỐN SÁCH VIẾT TAY BÀN VỀ TÔN GIÁO VIỆT NAM

TRẦN VĂN TOÀN^(**)

Cuốn sách này chưa ai in, nhưng đáng được biết đến, vì nó là một thiên nghiên cứu có liên quan đến lịch sử văn hóa dân gian. Trước khi giới thiệu, thiết tưởng cần phải đặt nó vào khung cảnh giao lưu văn hóa Đông - Tây và vào hoàn cảnh Việt Nam trước đây hai thế kỉ rưỡi.

I- TRUYỀN ĐẠO VÀ TRAO ĐỔI VĂN HÓA

Trao đổi văn hóa thường là vì ba nguyên nhân: một là do giới thương nhân đi buôn Đông bán Tây, hai là do đế quốc đem quân đi xâm lăng, ba là do các giáo sĩ đi truyền đạo. Ba nguyên nhân đó có thể có tác động biệt lập, nhưng thường có tác động giao thoa với nhau.

Ví dụ như ở miền đông Châu Á, người Hán tộc, một phần lớn đã đồng hoá, một phần khác đã khai hoá cho nhiều dân tộc, một đảng thì vì có giao lưu thương mại, một đảng thì vì có quân đội của thiên triều bắt các dân tộc nhược tiểu phải thần phục, nhưng một đảng khác nữa cũng là vì có những nhà nho, nhà sư đi truyền đạo. Họ đã ảnh hưởng nhiều vào văn hóa các nước chung quanh, cho nên, tuy không chịu đồng hoá với người Tàu, nhưng người Nhật Bản, người Triều Tiên, người Việt Nam, đều đã dùng chữ Hán một cách rất tự nhiên, như là của mình vậy. Mãi gần đây người Triều Tiên và người Việt Nam mới thôi không dùng chữ Hán nữa. Thế rồi các nhà sư từ Ấn Độ cũng theo đường của các thương gia,

sang truyền đạo ở khắp Á Châu, làm cho tư tưởng phong phú hơn lên. Văn hóa thực là của chung nhân loại. Cho đến nỗi, tuy đạo Phật là đạo ngoại lai, nhưng người miền Đông Á vẫn coi đó là thành phần của văn hóa dân tộc mình.

Tôi còn nhớ trước đây chừng nửa thế kỉ, đúng vào thời kì mà, sau Thế chiến thứ hai, phong trào tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa được lan tràn khắp nơi, có một người Ấn Độ, là ông K.M. Panikkar, trong cuốn *Á Châu và nền thống trị của Tây phương (Asia and Western Dominance)*, London 1969, đã tung ra một cái nhìn tổng quát độc đáo về cuộc gặp gỡ Đông - Tây. Theo như ông quan niệm thì Á Châu đã bị Âu Châu tấn công và đàn áp cả về hai mặt: về mặt vật chất thì do sức mạnh của vũ khí và kĩ thuật, về mặt tinh thần thì do đạo Kitô. Như thế có nghĩa là việc truyền bá tôn giáo, nếu kẻ này cho là chia sẻ niềm tin, thì người khác lại cho là hành động thù địch. Nói thế khác, với cái chủ trương "vơ đũa cả nắm", ông cố ý gắn liền quân đội viễn chinh với các giáo sĩ đạo Kitô từ Âu Châu sang, coi như là hai mặt trái phải của một cuộc tấn công duy nhất, nhằm tiêu

*. Sách này, khổ 10x15 cm, dày 205 trang, được tàng trữ tại Văn khố Hội Thừa sai Nước ngoài tại Paris (Archives des Missions étrangères de Paris, viết tắt là AMEP), số hiệu V-1098.

** . GS. Đại học Công giáo Lille, Cộng hoà Pháp.

diệt văn hóa người Á Châu, làm cho họ thành ra vong bản mất gốc. Tôi không còn nhớ rõ sách ấy xuất bản đúng vào năm nào, nhưng có điều chắc là quan niệm đó đã được thành hình trong lúc người Ấn Độ, cũng như nhiều dân tộc khác, đang tranh đấu giành độc lập. Bản dịch Pháp văn đã được người Việt ở Pháp đọc.

Riêng về quan niệm của Panikkar, thiết tưởng có hai chỗ giải thích thiếu nguyên tắc:

Thứ nhất là, vô tình hay hữu ý, ông đã lẫn lộn thái độ của người theo Hồi giáo trên đất Ấn Độ của ông, với thái độ của người Tây phương đứng trước Châu Á nói chung. Vì lẽ rằng: một đảng thì người theo Hồi giáo không phân biệt chính trị với tôn giáo, cho nên khi xâm chiếm được nước nào thì thường dùng các phương tiện thế tục để làm cho dân nước đó phải theo tôn giáo và văn minh Hồi giáo. Chính vì thế mà sau nhiều thế kỉ đô hộ đã có tới mấy trăm triệu người Ấn Độ bỏ Ấn giáo và truyền thống văn hoá Ấn Độ, mà theo Hồi giáo và văn hoá Hồi giáo⁽¹⁾. Cũng vì thế mà khi Ấn Độ giành được độc lập thì đã có nội chiến vì lí do tôn giáo, hàng chục triệu người bị cưỡng bách di cư hay là bị sát hại, để rồi thành lập ra hai quốc gia thù địch nhau từ hơn nửa thế kỉ là Ấn Độ và Pakistan (và Bangladesh). Đó là vết thương sâu đậm trong lòng dân tộc, mà những người ái quốc như ông Panikkar không sao quên được. Từ đó ông quan niệm rằng người Tây phương cũng như thế cả. Nhưng như thế là lầm. Vì, đảng khác thì đạo Kitô ở Âu Châu đã đặt ra nguyên tắc biệt lập tôn giáo với chính trị. Cho nên nếu vua chúa lấy tiền nhà nước, đem quân đội đi xâm chiếm các thuộc địa, thì

các thương gia đi buôn bán bằng vốn riêng của mình, và các giáo sĩ truyền đạo thì lấy tiền đóng góp của giáo dân mà tiêu dùng⁽²⁾. Dĩ nhiên, trong thực tế thì các giáo sĩ phải đi nhờ thương thuyền hay thỉnh thoảng nhờ tàu của quân đội chở đi, cho nên có thể có đôi chút liên quan với nhau nhưng ba hạng người đó có mục đích khác nhau và hoạt động theo nguyên tắc riêng của mình.

Thứ hai là, ông không phân biệt cho rõ thái độ của các giáo sĩ Tây phương trong những thế kỉ trước và sau khi các cường quốc Âu Châu sang Á Châu mở thuộc địa. Vì lẽ rằng người đi mở thuộc địa thường có thái độ trịch thượng đối với dân bản xứ, còn người đi giảng đạo để chia sẻ niềm tin thì thường có thiện cảm với họ. Sự thực có lẽ tế nhị hơn. Trong cuốn sách mới xuất bản gần đây về *Chiến lược truyền giáo của giáo sĩ người Pháp dòng Tên ở đất Pháp Mới và ở Trung Quốc vào thế kỉ XVII*⁽³⁾, nhà nghiên cứu Shenwen Li (Lí Thanh Văn) đã nêu ra hai thái độ của nhà truyền giáo đối với văn hóa người bản xứ. Đối với những dân tộc bán khai không có chữ viết, như ở Bắc Mỹ, thì trong khi giảng đạo, họ giúp vào việc khai hoá,

1. Đó cũng là điều nhận xét của nhà văn V.S. Naipaul, sinh năm 1932, gốc Ấn Độ, mới được giải thưởng Nobel. Sau khi đi thăm viếng các nước Hồi giáo, từ Iran đến Nam dương quần đảo, ông nhận xét rằng những dân tộc theo Hồi giáo ở các miền đó đều đoạn tuyệt với văn hóa của tổ tiên, và lấy Ả-rập làm quê hương đem lại cho họ tôn giáo và văn hóa {xem trong hai cuốn sách mới viết gần đây: *Hoàng hôn rơi xuống Hồi giáo (Crépuscule sur l'Islam)* và *Tin cho đến cùng (Jusqu'au bout de la foil)*}.

2. Về điểm này thì các tập san của các hội truyền giáo thế kỉ XIX đều kê số tiền đóng góp rất cẩn thận.

3. Shenwen Li. *Stratégies missionnaires des jésuites français en Nouvelle - France et en Chine au XVIIe siècle*, Edition L'Harmattan, Les Presses de l'Université Laval (Québec, Canada), 2001, 379 tr.

dạy cho biết cách viết chữ và một ít kĩ thuật. Còn đối với những dân tộc đã có nền văn minh khá cao, thì họ ra công học cho biết ngôn tự, biết văn hóa, để trình bày niềm tin của họ cho dễ hiểu. Chúng ta biết là vào thế kỉ XVIII, các giáo sĩ đã cho người Tây phương biết khá nhiều về văn hóa Trung Quốc, cho đến nỗi có những nhà văn, như Voltaire, tuy chưa bao giờ sang Á Châu, cũng hào hứng đem người Tàu ra làm mẫu mực về tư tưởng duy lí. Ở Việt Nam cũng thế.

II- CÁC GIÁO SĨ TÂY PHƯƠNG VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Vào đầu thế kỉ XVII, các giáo sĩ Tây phương đến Đàng Trong và Đàng Ngoài giảng đạo, đã nhận thấy rằng Việt Nam là một dân tộc có văn hiến, có pháp luật, có tổ chức hành chính. Cho nên họ học tiếng Việt và tìm hiểu phong tục người nước ta. Ngay từ thời đó họ đã biết rằng người Việt, tuy còn dùng chữ *Hán* rất nhiều, nhưng đã lập ra chữ viết riêng, tức chữ *Nôm*. Vào đầu thế kỉ, giáo sĩ người Italia, Girolamo Maiorica, đã soạn bằng chữ *Nôm* chừng 40 cuốn sách đạo (nay chỉ còn độ một phần tư). Trong khi đó thì sách vở của tam giáo: Nho, Đạo, Thích, đều là chữ Hán cả, chứ không dịch ra tiếng ta. Vào khoảng giữa thế kỉ thì giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã biên soạn được tự vị Việt - Bồ - La, ngữ pháp tiếng Việt và sách *Phép giảng tám ngày* bằng tiếng Latinh có chữ quốc ngữ đối chiếu (1651). Có mấy vị khác, như Borri, Marini, Tissanier, đã viết sách lịch sử và phong tục Việt Nam cho người Âu Châu đọc. Những công trình như thế còn tiếp tục cho đến thế kỉ XX, với những học giả như giáo sĩ Léopold Cadière.

Có một điều chứng tỏ rằng các giáo sĩ ngoại quốc đã để ý đến vốn liếng văn

hóa nước ta đó là việc soạn tự vị. Thực thế, trong khi người Tàu đã ra công soạn ra tự vị Khang Hi, thì ở Việt Nam, từ nhà vua cho đến các bậc sĩ phu, chưa thấy ai làm tự vị Việt Nam cả. Ấy thế mà cuối thế kỉ XVIII, giám mục Pierre Pigneaux de Béhaine (Bá Đa Lộc) cùng với một số tu sĩ người Việt biên soạn ra tự vị Việt Nam (cả chữ *Nôm* lẫn chữ *Quốc ngữ*) và Latinh⁴. Coi tiếng Việt, chữ Việt là quan trọng, là quốc hồn, quốc túy, như thế kể cũng là khá táo bạo, nhất là trong khi sĩ phu của ta coi thường nó (*nôm na là cha mách què*), không dùng nó để viết những điều quan trọng.

Còn về sách đạo, như sách giáo lí, sách kinh, v.v... các giáo sĩ, tuy đem vào Việt Nam mấy cuốn sách bằng chữ Hán, nhưng vẫn soạn và in bằng chữ *Quốc ngữ* và bằng chữ *Nôm* cho đến đầu thế kỉ XX.

Trở lại dự định tìm hiểu phong tục Việt Nam, ta phải kể đến cuốn sách *Tam giáo chư vọng*. Điều đáng chú ý là sách này được biên soạn và viết tay bằng chữ *Quốc ngữ*, không phải là bằng chữ *Hán* hay là bằng một ngôn ngữ Âu Châu.

III- HOÀN CẢNH BIÊN SOẠN SÁCH TAM GIÁO CHƯ VỌNG

Trong những thế kỉ XVII và XVIII, số người biết chữ ở nước ta còn rất ít, số người theo đạo Kitô cũng chưa đông lắm, cho nên sách đạo cũng không nhiều, thường chỉ có giáo sĩ phương Tây, thầy

4. Tự vị này đã được giám mục Taberd tu bổ và xuất bản tại Ấn Độ năm 1838, gọi là *Nam Việt Dương Hiệp tự vị Dictionarium Anamitico- Latinum*. Trong tự vị có một chương dài về ngữ pháp tiếng Việt, lại có một phần về thực vật học, kê khai các thứ thảo mộc ở Miền Nam nước ta, như rau cỏ, hoa cỏ, các cây dùng làm thuốc, v.v... Còn bản chính, do giám mục Bá Đa Lộc soạn xong vào khoảng những năm 1772 - 1773, thì mãi tới năm 2001 Hội Thừa sai Nước ngoài tại Paris mới cho rọi ảnh và ấn hành.

cả (linh mục) và thầy giảng bản xứ là có thể dùng được. Mãi tới đầu thế kỉ XIX các giáo sĩ người Pháp mới lập nhà in để in và phổ biến rộng rãi những sách đạo soạn bằng chữ *Nôm* và chữ *Quốc ngữ*. Cho nên trước đó các sách thường là chép tay mà thôi. Như thế số sách lưu dụng rất có hạn, lại chỉ để lưu hành nội bộ, người ngoài ít khi biết đến.

Điều đáng chú ý là đây có lẽ là lần đầu tiên, người Việt được học giáo lí của một tôn giáo theo thứ tự mạch lạc, có biết đủ những điều cốt yếu mới được nhập đạo. Đạo Kitô ý thức được cá tính của mình, cho nên ngay từ buổi đầu đã có tiêu chuẩn rõ và đã tóm tắt niềm tin của mình trong kinh *Credo*, gọi là *Kinh Tin kính*. Sau này, vào thế kỉ XVI bản tóm ấy đã được bàn rộng ra và người ra ghi thêm vào đó những việc phải làm về luân lí, về lễ bái, và những kinh nguyện phải đọc, tất cả được in ra thành sách giáo lí, gọi là *Sách bốn*. Xem Sách bốn thì biết người theo đạo Kitô tin tưởng vào ai, sống như thế nào. Người ta học thuộc lòng sách giáo lí và các kinh nguyện để đọc chung với nhau. Thêm vào đó, còn được nghe hay đọc truyện các thánh, lấy đó làm mẫu mực để sống sao cho phải đạo, phải phép. Đây là tình trạng ở Châu Âu. Từ đầu thế kỉ XVII, ở Việt Nam các giáo sĩ Âu Châu cũng trình bày đạo Kitô theo kiểu đó.

Vào khoảng giữa thế kỉ XVIII, ta thấy xuất hiện ở Việt Nam một loại sách mới, như sách *Tam giáo chư vọng*, viết theo một loại văn mới. Tôi xin gọi tạm là loại văn "bút chiến". Gọi là văn "bút chiến", là vì nếu bây giờ cho in và phổ biến ra, thì chắc sẽ không thiếu người vội cho rằng đạo Kitô cố ý gây xích mích với các đạo khác. Thực ra loại văn "bút chiến" mà tôi

nhắc tới trên đây không có mục đích bút chiến như ngày nay. Nó chỉ để lưu hành nội bộ, nhằm mục đích giúp cho người mới theo đạo được bền chí giữ đạo trong tình trạng khó khăn của thiểu số, hiểu rõ giáo lí, biết nó khác đạo mình theo khi trước như thế nào và biết cách trả lời khi người ta hỏi đến mình.

Vì sao lại có loại văn "bút chiến" vào thời đó? Thiết tưởng vào thời đó, đạo Kitô sau 150 năm bắt rễ vào Việt Nam, đã có một số linh mục và thầy giảng bản xứ làm cốt cán cho xứ đạo. Những người theo đạo hằng ngày vẫn tiếp xúc với người ngoại đạo, cho nên không thể không so sánh, không đặt vấn đề đâu là chính đạo, nhất là khi sĩ phu và hàng quan lại không theo đạo, và đôi khi còn tỏ ra khinh miệt cái thứ đạo ngoại lai mà họ cho rằng chỉ có "ngu phu ngu phụ" mới theo. Cho nên có thể nói là những sách như thế có mục đích trực tiếp là để giúp người theo đạo giải quyết những mối thắc mắc riêng của mình, và gián tiếp là để giải thích cho người khác hiểu lập trường của mình.

IV- TIỀN THÂN CỦA SÁCH *TAM GIÁO CHƯ VỌNG*

Sách *Tam giáo chư vọng* không có đề là soạn vào năm nào, nhưng ở trang 29 có viết: "năm này là Nhâm Thân Cảnh Hưng thập tam niên". Như thế có nghĩa là đoạn thứ 5 trong quyển thứ nhất được viết vào năm 1752. Trước đó hai năm thì có một cuốn sách khác, viết bằng tiếng Latinh, chữ rất đẹp, nhan đề là *Opusculum de sectis apud Sinenses et Tunkinenses*, nghĩa là: *Tiểu luận văn về các tôn giáo của người Tàu và của người Đàng Ngoài*. Trong lời tựa, tác giả xưng mình là *thầy Adrianus à Sancta Thecla*, thuộc dòng tu không đi giầy, theo luật

thánh Augustino, và được sai đi giảng đạo ở Đàng Ngoài, và nói sách đã được hoàn tất vào tháng Chín năm 1750 tức là năm Canh Ngọ (tác giả viết lầm là Canh ngũ), niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ mười một⁵⁾. Adriano là linh mục người Italia phục vụ cho địa phận Đông Đàng Ngoài.

Sách Tiểu luận văn (TLV) này là một luận văn, chứ không dàn cảnh theo lối đối thoại giữa Đông sĩ và Tây sĩ như trong sách *Tam giáo chư vọng*, nhưng xét về nội dung thì tôi cho nó là tiền thân của *Tam giáo chư vọng* (TGCV), vì mấy lí do sau đây. Thứ nhất là cách chia phần đoạn như nhau, theo thứ tự: Nho giáo, Đạo giáo, rồi Phật giáo. Thứ hai là TGCV viết đầy đủ và nhiều chi tiết hơn TLV. Thứ ba là những đoạn văn trưng dẫn từ sách chữ Hán hầu hết giống nhau, lại được trưng dẫn theo cách đọc Hán Việt như nhau. Xét về hình thức "bút chiến", thì tôi thấy có một tập sách khác có thể là tiền thân của nó. Tập sách này nhan đề là *Khuyết vông mục lục*, nghĩa là *mục lục những điều sai sót*, viết tay bằng chữ Hán, tất cả chỉ có 26 tờ. Không có tên người viết, cũng không đề là năm nào, nhưng tôi đoán là nó có trước hai cuốn sách kia, vì nó không đầy đủ, các đề tài không được phân loại cho có thứ tự như hai cuốn kia⁶⁾, các đề tài của nó cũng lại xuất hiện trong hai cuốn sách đó, và nó cùng ở trong lô sách mà Hội Thừa sai nước ngoài đã đem từ Việt Nam về trụ sở Paris của họ (nhưng lại để ở Thư viện Á Châu, cũng của Hội, chứ không để ở Văn khố, như hai cuốn kia).

V- TÁC GIẢ CỦA *TAM GIÁO CHƯ VỌNG*

Về tác giả của TGCV, thì không thấy đề tên rõ ràng. Nhưng trong bài Tựa, tác giả tự giới thiệu như sau: "Ta là người ở phương thái tây trong nước Italia đã

sang bên phương Đông này giảng giải đạo thánh Đức Chúa Trời cho kẻ ở nước Annam này kẻ hèn kẻ sang kẻ thông kẻ dốt kẻ già kẻ trẻ, được biết chính Chúa phải thờ cùng chính đạo phải giữ mà ngày sau được phúc ở trên Thiên đàng đời đời chẳng cùng" (trang 1).

Chúng ta biết từ khi chia xứ Đàng Ngoài làm hai khu vực truyền giáo (năm 1673), lấy sông Hồng Hà làm ranh giới, thì các giáo sĩ người Pháp làm việc ở địa phận Tây Đàng Ngoài, còn các giáo sĩ nước khác thì làm việc ở địa phận Đông Đàng Ngoài dưới quyền của dòng tu Đa Minh (Dominicans). Vào năm 1752 thì ở địa phận Đông Đàng Ngoài có tất cả là 23 linh mục: 15 người Việt và 8 người Âu Châu, trong số đó có 5 người Italia đều đi tu theo luật dòng thánh Augustino Cả. Linh mục Adriano thì đã viết TLV bằng tiếng Latinh. Còn ba vị khác thì không thấy có gì đặc sắc, cho nên ta có lí mà đoán rằng sách TGCV nếu không phải là do Adriano viết thì là do giám mục Hilario de Jesus căn cứ theo TLV của

5. Cuối bài Tựa có viết như sau: "Quod complebam mense Septembri anno christi 1750, Annammittis Canh Ngũ Regis Lê Cảnh Hưng undecimo. Ego Frater Adrianus à Sancta Thecla, Eremita discalcatus Ordinis Sancti patris Nostri Augustini, Missionarius Apostolicus in Regno Tunquini" (Opusculum de sectis apus Sinenses et Tunkinenses, AMEP, Vol. 667, trang VII-VIII). Bản viết tay tàng trữ ở AMEP đây 113 trang, khổ 19x25 cm, có lẽ là một bản sao, do giám mục Louis Nêcz, là vị đại diện giáo tông toà ở địa phận Tây Đàng Ngoài từ 1723 đến 1764, truyền cho một tu sĩ người Việt thạo tiếng Latinh thi hành (xem André Marillier. *Nos pères dans la foi. Notes sur le clergé catholique du Tonkin de 1666 à 1765*, Eglise d' Asie, série histoire 2, fasc. 2, Paris 1995, trang 126).

6. Trong tập *Khuyết vông mục lục* chỉ nói thật vắn tắt về những đề tài sau đây: Thích Ca Phật, A Di Đà Phật, Luân hồi, Linh bài, tổ Tông bài, Quan Âm, Lão Quân, Ngọc Hoàng, Quan Vũ, Thành Hoàng, Táo thần, Tử đồng đế quân, Thần tiên bộ tất tổng luận, Lôi luận, Thiên địa quân thân sư, Chỉ tiên (tiền giấy).

Adriano mà viết ra tiếng Việt. Vị này tới Đàng Ngoài vào năm 1724, có tiếng là rất thạo tiếng Việt và đã viết nhiều sách đạo bằng tiếng Việt. Năm 1736 Hilario được cử làm giám mục hiệu toà Coricee (hay là Core)⁷.

Thời gian làm việc ở Việt Nam của giám mục Hilario là một thời kì khó khăn: bên ngoài thì có giặc giã cướp bóc, giáo dân và giáo sĩ thường bị rầy rà, bên trong thì việc tổ chức lại khu vực truyền giáo, như vừa nói trên đây, cũng chưa ổn định. Thực thế, trước đó nhân dịp các vua Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đi mở thuộc địa thì giáo tông toà ở Roma giao phó cho họ nhiệm vụ truyền bá đức tin, để cho việc mở thuộc địa bớt tính cách vụ lợi vật chất. Nhưng chẳng bao lâu sau, nhận thấy rằng mình lầm, vì các vua đó chỉ nghĩ đến cái lợi riêng, cho nên tự tiện lập hàng giáo phẩm và đồng hoá người bản xứ; vì thế những thuộc địa cũ của hai nước đó ở Nam Mỹ ngày nay đều nói tiếng Bồ Đào Nha hay tiếng Tây Ban Nha. Có hai lí do làm cho giáo tông toà Roma muốn thôi không cho hai nước đó đỡ đầu cho việc truyền giáo nữa. Một là vì khi giảng đạo tới những nước có văn hiến ở Á Châu, thì không thể đồng hoá được, mà phải hội nhập văn hóa. Hai là muốn tổ chức lại việc truyền giáo, lấy lại quyền lựa chọn và sai phái các giáo sĩ. Nhưng bỏ hai nước đó ra, thì phải kêu gọi đến giáo sĩ của những nước nào không có quyền lợi chính trị hay kinh tế gì ở Á Châu, chẳng hạn như nước Pháp. Vì thế sau nhiều năm vận động của Alexandre de Rhodes, giáo tông toà đã cử hai giáo sĩ Pháp là Pallu và Lambert de La Motte làm đại diện để lo việc truyền giáo ở Á Châu, với những chỉ thị mới: phải tìm cách lập hàng giáo phẩm bản xứ, phải hội nhập văn hóa chứ

không được bắt người bản xứ đồng hoá. Do đó Hội Thừa sai Nước ngoài tại Paris được thành lập năm 1660. Các giáo sĩ của Hội, thường là người Pháp với nhau, làm việc ở Tây Đàng Ngoài, thì không có gì lôi thôi khó khăn. Nhưng ở Đông Đàng Ngoài, vẫn còn một số giáo sĩ dòng Tên (Jésuites) trước đã được phái sang từ Lisboa (Lisbonne, Bồ Đào Nha), vẫn không chịu chấp nhận làm việc theo điều kiện mới, cho nên gây ra nhiều điều khó khăn trong nội bộ địa phận Đông Đàng Ngoài. Cũng phải chờ cho đến khi dòng Tên phải đóng cửa ở Âu Châu năm 1773, và không được trở lại Việt Nam nữa, thì tình thế mới ổn định. Chuyển tây du sang Lisboa vào cuối thế kỉ XVIII của linh mục Philiphê Bình, nhờ tiền đóng góp của giáo dân cũ của các giáo sĩ dòng Tên, mang theo hi vọng xin cho dòng Tên được trở lại Việt Nam nhưng không thành công, đó là màn cuối cùng của tấn bi kịch gây ra do sự thay đổi đường lối truyền giáo.

Nhắc qua mấy trang sử đó cũng đủ thấy rằng những năm làm giám mục ở địa phận Đông Đàng Ngoài của giáo sĩ Hilario cũng có nhiều điều phải hết sức bận tâm. Đến năm 1754 thì ngài mất, thọ 57 tuổi⁸.

VI- NỘI DUNG SÁCH *TAM GIÁO CHƯ VỌNG*

Nội dung cuốn sách được trình bày như là một cuộc đối thoại giữa một ông Tây sĩ (tác giả) và một ông Đông sĩ. Tây sĩ rất có thiện cảm với Đông sĩ và hai

7. Tôi được Giáo sư Đỗ Quang Hưng cho biết là có một cuốn sách bằng tiếng Italia, cũng về đề tài như thế, đã được dịch ra tiếng Anh, và sắp xuất bản. Một khi có được cuốn đó, ta sẽ có thể so sánh và biết đích xác hơn ai là tác giả TGCV.

8. Muốn biết nhiều về giám mục Hilario, có thể xem trong: *André Marillier*, Sđd, tr. 124 - 126.

người lấy lý sự mà nói chuyện với nhau về tam giáo. Đây xin trích dẫn mấy câu trong lời Tựa:

Ta bây giờ gặp Đông sĩ hay chữ nghĩa và có nhân đức thì mừng lắm bởi vì được dịp tốt mà biết cho tỏ mọi sự thuộc về tam giáo lại luận cùng Đông sĩ chính lẽ về ba đạo ấy. Kẻ hay chữ nghĩa chẳng những là phải học sách mà lại phải xét lẽ trong sách học cho thông. Có nhiều khi sách khéo nói dạy điều trái cho nên kẻ học sách phải xét lẽ trong ấy phải sự thật sự chẳng, như lời trong sách Đại Học rằng: học giả bất khả dĩ bất khả dã, kẻ học mà chẳng biết lẽ thật lẽ trái thì chẳng nên gọi là kẻ thông hay chữ nghĩa, kẻ học mà biết lẽ thật lẽ dối thì mới nên gọi là kẻ thông hay chữ nghĩa, như lời Đại Học rằng: Vật cách nhi hậu tri chí. Vì vậy Tây sĩ xin Đông sĩ vấn đáp nhau mà xét luận các lẽ ba đạo ấy cho thông biết mọi sự vọng là sự phi lý ba đạo ấy cùng sẽ chia làm ba quyển. Trong quyển thứ nhất sẽ luận về sự vọng đạo Nho; trong quyển thứ 2 sẽ luận sự vọng đạo Đạo; trong quyển thứ 3 sẽ luận sự vọng đạo Thích.

Về cách thức đề cập các vấn đề, thiết tưởng nên có vài nhận xét:

Thứ nhất: về thứ tự các đề tài thì tác giả theo như trật tự các tôn giáo, đứng trong quan điểm nhà Nho thời ấy: *dĩ Nho vi tiên, Đạo vi thứ, Thích vi hậu.*

Thứ hai: không cần phải nói thì ai cũng rõ rằng người viết sách, đặt vấn đề, và hướng dẫn cuộc thảo luận, là giáo sĩ đạo Kitô, cho nên dĩ nhiên là phần thắng lợi phải dễ dàng về tay tác giả.

Thứ ba: bàn luận theo lối đối thoại có lẽ là một con đường mới đối với người Á Châu, xưa nay thường tôn kính bậc thầy

mà không dám có tư tưởng riêng. Trái lại, theo như tôi nghĩ, thì triết học Âu Châu đã bắt đầu bên Hi Lạp, khi mà, thay vì chấp nhận tất cả những gì *tiên sinh viết*, thì Platon viết ra những bài đối thoại, trong đó thầy cũng như trò, đều lấy lý sự mà bàn luận với nhau. Người ta có thuyết phục được nhau, trong khi bàn việc nước hay là khi triết lý với nhau, thì không phải là vì mạnh thế, vì có địa vị hay là uy tín, nhưng là vì có lý sự. Vì thế, mặc dầu tính cách "bút chiến", lý luận trong sách không phải là không có chỗ lý sự, đáng suy nghĩ, nhất là vì nhiều khi tác giả lấy lại lập luận của nhà Nho đối với các tôn giáo khác.

Trong bài giới thiệu này, tôi không thể đi vào chi tiết nội dung cuốn sách, nên chỉ xin trình bày mục lục như sau:

Phần thứ nhất: *Nho giáo chư vọng* gồm 15 đoạn, luận về những đề tài này: Thái cực sinh trời đất, Bàn Cổ bởi ai mà ra? Thượng Đế là đấng nào? Chính đạo bởi ai mà ra? Hồng Thuỷ, Tế thiên địa lục tông, Tế ngũ đế ngũ thần, Lễ hội miêng cùng lễ tế cờ đạo, Thành hoàng cùng thượng trung hạ đẳng thần, Vua Dóng vua Trèm vua Bạch Mã, Táo quân Thổ công Thổ chủ Tiên sư, Tế ông Khổng cùng các đại hiền, Tế ông Thái công cùng các đại tướng, Lễ tế táng ông bà cha mẹ, Luận sự địa lý.

Phần thứ hai: *Đạo giáo chư vọng* gồm 12 đoạn, luận về những điều sau đây: Lão Tử lập ra đạo Đạo, đạo Đạo bởi Trương Nghi, Trương Giác mà ra, việc thầy phù thuỷ làm chữa người ta, Mười hai thần hành khiển, Cửu tinh cùng Thiên lôi, ngày giờ tốt xấu, Hà bá Thuỷ quan Phạm Nhan Liễu Hạnh, luận sự bói, xem số cùng xem khoa, Ngũ tinh, Xem tướng cùng xem giờ, Nhật thực nguyệt thực.

Phần thứ ba: *Thích giáo chư vọng* gồm 12 đoạn, luận về những điều sau đây: Phật giáo bởi ai mà ra? Phật giáo nhập vào Trung Quốc, Luận lòng nhà Nho về Phật giáo, luận cứu kiếp Phật giáo truyền lại, chính nghĩa cứu kiếp, luận nghĩa chữ không cùng chữ Phật, về cấm sát sinh cùng luân hồi, luận kinh bảo đàn, lễ đốt nhà táng cùng vàng mã, địa ngục, Bụt Quan Âm cùng cô hồn, luận ngày tế lên nêu ba vôi bột.

KẾT LUẬN TAM THỜI

Trên đây tôi đã cố ý tương đối hoá cái hình thức “bút chiến” của TGCV. Nếu ta gác cái mục đích và dụng ý chủ quan của tác giả ra một bên thì, xét khách quan, TGCV là một tài liệu, rất có thể là tài liệu đầu tiên, lại khá đầy đủ của Công giáo về tôn giáo Việt Nam, cho nên đáng được xét đến trong khi nghiên cứu về tôn giáo truyền thống Việt Nam.

Về nội dung thì có hai loại. Loại thứ nhất là do sách Nho mà người theo đạo Kitô, giáo dân cũng như giáo sĩ, đã đọc được. Có điều là vào thời đó, khi trưng dẫn, người ta không quen nêu rõ xuất xứ, cho nên ta không biết là lấy ra từ sách nào, từ phần nào, từ đoạn nào. Tuy nhiên ta có thể kiểm soát được⁹⁾, và đó là một trong những công việc phải làm nếu ta định in sách đó ra. Loại thứ hai là những điều quan sát được trong đời sống tôn giáo dân ta thời đó, lại cũng có nhiều người giáo dân trước đã theo như thế. Đó là những điều mà các giáo sĩ Tây phương

đã để tâm ghi chép từ hơn thế kỉ. Có lẽ không thể lấy sách lí thuyết hay sách lễ nghi bây giờ để phi bác những sự kiện đã quan sát, nhưng có thể lấy để so sánh và để nhận định ra những cái đã thay đổi từ mấy thế kỉ nay.

Về cách kết cấu thì TGCV trình bày một cái nhìn tổng quát, và các sự kiện khá nhiều đó đã được phân loại theo tam giáo cho nó có thứ tự. Thiết tưởng ngày nay các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian có thể phân loại khác đi. Vì có những yếu tố chưa chắc đã hẳn là của Nho giáo, Đạo giáo hay Phật giáo, mà là thuộc về tín ngưỡng dân gian đã có trước tam giáo. Dù sao cũng khó phân loại, vì thời xưa người ta thi hành tất cả các lễ nghi, bắt kể từ đâu lại. Vào thế kỉ XIX, có nhiều sách đạo viết bằng chữ Nôm và chữ *Quốc ngữ*, cũng lấy lại nhiều yếu tố trong TGCV, nhưng không lấy lại cách phân loại quá cứng nhắc như thế nữa.

Vấn đề có thể làm sau này: một là so sánh TGCV với TLV của Adriano, hai là chờ khi bản tiếng Italia đã nhắc tới trên đây được in ra, thì ta so sánh thêm để xác định về tác giả./.

9. Một ví dụ: ngay trong đầu bài Tựa có trưng câu Hán văn: "Để hoàn kinh sư, nho đạo thích tịnh hiến hạ thi", thì ta có thể đoán là lấy ra từ *Đại Việt Sử kí toàn thư*, Bản kỉ, Quyển thứ 3, kỉ nhà Lý. Bản dịch Việt văn (Hà Nội 1967) là: "(tháng 11), vua Thánh Tôn) về đến Kinh sư. Các nhà nho đạo thích đều dâng thơ mừng".